

VÀI NÉT VỀ QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở ÁN ĐỘ¹

ThS. Vũ Đình Mười
TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập, các vấn đề về di dân, quan hệ tộc người xuyên/liên quốc gia, biên giới, các nhóm tộc người - tôn giáo... đang diễn biến phức tạp, tác động lớn đến sự cố kết tộc người và thống nhất quốc gia ở nhiều nước trên thế giới. Quá trình tộc người diễn ra tại mỗi nước lại mang nét đặc thù, khác biệt, vì thế quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của từng quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập là khác nhau. Bài viết này trình bày và phân tích một số quan điểm, chính sách dân tộc ở Ấn Độ với tư cách là một trong những quốc gia có sự phức tạp, đa dạng nhất về tộc người và quan hệ tộc người trên thế giới. Trên cơ sở đó, nêu lên những nét đặc thù, xu hướng chính về chính sách dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở quốc gia này.

Từ khóa: Quan điểm và chính sách dân tộc, quan hệ dân tộc, quốc gia - dân tộc, Ấn Độ.

Ngày nhận bài: 7/10/2018; ngày gửi phản biện: 27/12/2018; ngày duyệt đăng: 16/2/2019

1. Giới thiệu

Mối quan hệ giữa các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc và vai trò của nhà nước trong việc quản lý mối quan hệ này luôn có vị trí then chốt nhằm đảm bảo sự ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, đặc biệt là ở các quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa. Ở đó, vai trò của nhà nước được thể hiện cụ thể qua các chính sách dân tộc. Những nghiên cứu gần đây cho thấy, khi Chiến tranh Lạnh (Cold War) kết thúc gắn với sự sụp đổ của Nhà nước Xô Viết (1991), sự đối đầu và xung đột giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đã lắng xuống, mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo đang là những nhân tố chính gây bất ổn ở nhiều khu vực trên thế giới (Mackerras, 2003, tr. 1-2). Thêm vào đó, dưới tác động của toàn cầu hóa và các thỏa thuận liên kết song phương, đa phương, đã có sự bùng phát những hoạt động thương mại, đầu tư, di dân và tái liên kết tộc người xuyên quốc gia (Walker, 2009, tr. 102-104). Các diễn biến phức tạp nêu trên có tác động lớn đến mối quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở nhiều nước trên thế giới.

¹ Bài viết này dựa trên kết quả đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu chính sách dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới, đề xuất bổ sung, hoàn thiện chính sách dân tộc ở Việt Nam”, Mã số CTĐT.07.16/16-20 do Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương chủ trì.

Nhìn chung, ở các quốc gia đa dân tộc trên thế giới đều có sự tồn tại 5 loại hình quan hệ dân tộc cơ bản, gồm: (1) quan hệ trong nội bộ tộc người (các nhóm địa phương, các nhóm xã hội, các nhóm đồng tộc nhưng khác tôn giáo); (2) quan hệ giữa các tộc người thiểu số với nhau; (3) quan hệ giữa các tộc người thiểu số với tộc người đa số; (4) quan hệ dân tộc liên và xuyên quốc gia; (5) quan hệ giữa các tộc người với quốc gia - dân tộc. Sự bất ổn trong bất cứ mối quan hệ nào ở trên đều ít nhiều ảnh hưởng đến sự ổn định của một quốc gia. Do đó, các chính sách dân tộc về cơ bản đều nhằm quản lý và điều tiết những mối quan hệ này. Trong đó, mối quan hệ giữa các tộc người và quốc gia - dân tộc là mối quan hệ cốt yếu nhất trong việc xây dựng khối thống nhất, đoàn kết quốc gia - dân tộc. Các chính sách quản lý và điều tiết những mối quan hệ dân tộc nêu trên, về cơ bản là nhằm hướng tới xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các tộc người với cộng đồng quốc gia dân tộc.

Trong lịch sử cũng như hiện nay, về cơ bản các nhà nước thường sử dụng ba phương thức cơ bản để quản lý tình trạng đa dạng, phức hợp về tộc người và văn hóa trong phạm vi quốc gia, bao gồm: đồng hóa, tách biệt, và duy trì sự hỗn hợp - đa dạng văn hóa. Tuy vậy, trong thực tế, tùy vào từng giai đoạn, bối cảnh lịch sử và đặc thù của từng nước, trong chính sách của nhà nước, các phương thức nêu trên có thể được áp dụng đơn lẻ hay kết hợp. Cách thức ứng phó của các nhóm thiểu số cũng tương tự như vậy (Ericksen, 1993, tr. 123-130). Tuy nhiên, một điều đáng lưu ý là dù sử dụng bất kỳ phương thức nào, vấn đề cốt lõi của chính sách dân tộc ở các nước đều hướng tới việc củng cố khối đoàn kết cộng đồng quốc gia - dân tộc. Và đây được coi là điều kiện tiên quyết để ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội ở bất kỳ quốc gia nào. Bài viết này tập trung trình bày và phân tích một số quan điểm và chính sách dân tộc cơ bản ở Ấn Độ, với tư cách là một trong những quốc gia có sự phức tạp, đa dạng nhất về tộc người và quan hệ tộc người trên thế giới. Trên cơ sở đó, nêu lên những nét đặc thù, xu hướng chính về chính sách dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở quốc gia này.

2. Sự đa dạng và phức tạp về tộc người và văn hóa ở Ấn Độ

Ấn Độ là quốc gia có tổng dân số khoảng hơn 1,3 tỷ người, đông thứ hai trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc. Về hành chính, Ấn Độ được thiết lập theo mô hình cộng hòa liên bang, với 22 bang và 9 vùng lãnh thổ liên bang. Về chính trị, nước này theo chế độ đa đảng với hàng trăm đảng phái chính trị khác nhau (Nguyễn Thừa Hỷ, 1986, tr. 54-56). Ấn Độ cũng là nước có sự đa dạng và phức tạp bậc nhất trên thế giới về tộc người, văn hóa và tôn giáo. Đến nay, ước tính có tới hàng nghìn nhóm tộc người ở quốc gia này. Tuy nhiên, về nhân chủng có thể chia thành bốn loại hình chính là Negroit, Dravidian, Aryan và Mongoloit. Về ngôn ngữ, Ấn Độ có hai nhóm ngôn ngữ lớn: Ấn-Aryan (chiếm 74% cư dân) và Dravidian (24%) (Nguyễn Thừa Hỷ, 1986, tr. 11-13). Những ngôn ngữ khác được sử dụng tại Ấn Độ thuộc các ngữ hệ Nam Á và Tạng - Miến. Ấn Độ không có ngôn ngữ quốc gia. Tiếng Hin-di có số lượng người nói lớn nhất và là ngôn ngữ chính thức của chính phủ; tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong kinh doanh, hành chính và có địa vị “ngôn ngữ chính thức thứ hai”. Ngôn ngữ

này cũng có vị thế quan trọng trong giáo dục, đặc biệt là trong môi trường giáo dục đại học. Mỗi bang và lãnh thổ liên bang có một hoặc nhiều hơn các ngôn ngữ chính thức. Ước tính có khoảng hơn 1.600 ngôn ngữ và phương ngữ ở quốc gia này, nhưng hiến pháp chỉ công nhận 22 ngôn ngữ chính thức. Điều tra dân số năm 2001 đưa ra số liệu là 800 triệu người Ấn Độ (80,5% tổng dân số) là tín đồ Ấn Độ giáo (Hin-đu giáo). Ấn Độ giáo do vậy là tôn giáo lớn nhất tại Ấn Độ, sau đó là Hồi giáo (13,4%), Cơ Đốc giáo (2,3%), Sikh giáo (1,9%), Phật giáo (0,8%), Jaina giáo (0,4%), và các tôn giáo khác như Do Thái giáo, Hỏa giáo, Bahai giáo, ... Ấn Độ cũng là nước có số tín đồ Ấn Độ giáo, Sikh giáo, Jaina giáo, Hỏa giáo, Bahai giáo đông nhất thế giới, có số tín đồ Hồi giáo lớn thứ ba thế giới, đồng thời là quốc gia có đông người Hồi giáo nhất trong số các quốc gia mà họ không chiếm đa số.

Ở Ấn Độ, Ấn Độ giáo là nền văn hóa có vị trí thống trị. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có nhiều nền văn hóa truyền thống lớn khác như Hồi giáo, Phật giáo, Cơ Đốc giáo, ... Ngoài ra, nước này còn chịu ảnh hưởng khá lớn từ văn hóa phương Tây. Do đó, ở xã hội Ấn Độ có sự phức hợp cao; bên cạnh yếu tố địa lý, nhân chủng, ngôn ngữ và tộc người, còn có sự đan xen, xuyên qua của các tôn giáo, hệ thống đẳng cấp và cả văn hóa phương Tây. Chính vì thế, việc áp dụng khái niệm tộc người thuần túy (ý thức, văn hóa và ngôn ngữ tộc người) sẽ không phù hợp với Ấn Độ. Các cộng đồng được coi là tộc người theo đúng nghĩa thường chiếm số lượng rất ít, nên chỉ có thể áp dụng khái niệm này mang tính tương đối cho xã hội Ấn Độ. Ví dụ, một số phong trào đấu tranh của các bộ tộc nhằm đạt được quyền tự trị về mặt chính trị, văn hóa hay kinh tế có thể coi là phong trào tộc người. Tuy nhiên, trong nội bộ các bộ tộc này lại có sự khác biệt về tôn giáo, phương ngữ, cách tiếp cận nguồn lực của cải vật chất và quyền lực, thậm chí còn khác biệt cả về việc thực hành các phong tục và lối sống. Các nhóm xã hội phổ biến như đẳng cấp, đồng ngôn ngữ, đồng tôn giáo và cùng khu vực cư trú lại mang tính chất liên dân tộc. Tất cả các nhóm đều chứa đựng thành tố mang cấu trúc xã hội và văn minh Ấn Độ. Do vậy, có thể coi một đẳng cấp, bộ tộc (tribe), nhóm tôn giáo, ngôn ngữ hay văn hóa có chức năng tương đương như một tộc người, và văn hóa Ấn Độ thường được nhận diện thông qua các nhóm văn hóa - xã hội này. Ước tính ở Ấn Độ có khoảng 382 cộng đồng khác biệt về văn hóa và vùng miền, đa dạng về quy mô và trình độ phát triển (Singh, 1993, tr. 155-157; Crowne, 2013).

3. Quan điểm và chính sách dân tộc của Ấn Độ

Trong lịch sử, Ấn Độ là một khái niệm địa lý - văn hóa - văn minh, chứ không phải là một thực thể chính trị. Chủ nghĩa thực dân và phong trào đấu tranh giành độc lập đã tạo cho Ấn Độ diện mạo quốc gia như ngày nay. Trước khi độc lập, cũng như các vùng thuộc địa khác, Ấn Độ rơi vào cục diện phân ly do sự xâm chiếm, đô hộ, tranh chấp của các thế lực thực dân ngoại bang. Năm 1859, thực dân Anh xâm chiếm Ấn Độ và thiết lập chế độ thuộc địa ở quốc gia này. Nhằm truyền bá văn hóa phương Tây và đào tạo lực lượng thân cận, thừa hành việc cai trị, thực dân Anh đã thành lập một loạt các trường đại học như Bom Bay, Ben-gan, Madrat, ... Tiếng Anh được quy định làm ngôn ngữ chính thức. Tương tự như ở các thuộc địa

khác. Về văn hóa - xã hội, thực dân Anh cũng áp dụng triệt để chính sách “chia để trị”, kích động và chia rẽ các cộng đồng văn hóa, nhất là giữa các cộng đồng theo Ấn Độ giáo và Hồi giáo (Nguyễn Thừa Hỷ, 1986, tr. 31-41; Singh, 1993, tr. 17).

Chính vì sự đa dạng về sắc tộc và tôn giáo ở quốc gia này, nên cả trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, gìn giữ, xây dựng và phát triển đất nước, chủ trương và chính sách thống nhất, tăng cường sự cố kết quốc gia luôn được người Ấn Độ coi là nền tảng. Trước hết, đó là chính sách xây dựng bản sắc văn hóa quốc gia Ấn Độ - bản sắc văn hóa chính trị. Mặc dù chủ trương này đã được hình thành từ trước, nhưng sau độc lập (năm 1947) chủ trương này mới thực sự được cụ thể hóa rõ ràng. Các thành tố văn hóa Ấn Độ giáo là bản sắc mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng trên mọi vùng miền, được lấy làm nền tảng cho các hoạt động chính trị về bản sắc văn hóa quốc gia. Đây là chủ trương nhận được sự ủng hộ của hầu hết các cơ quan quan trọng trong Chính phủ liên bang. Mặc dù vậy, các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, ngôn ngữ của những nhóm thiểu số cũng được Chính phủ nước này quan tâm đặc biệt, được tự do thực hành và được thể chế hóa trong các văn bản của Nhà nước. Tuy vậy, chủ trương xây dựng bản sắc quốc gia về cơ bản vẫn là đồng hóa hơn là kết hợp sự đa dạng vào trong dòng chảy chính trị chính thống. Các nỗ lực phát triển bản sắc văn hóa quốc gia thường được tiến hành dưới danh nghĩa phát triển bản sắc văn hóa của người Ấn Độ (Singh, 2013, tr. 494-495).

Từ sau độc lập năm 1947, các vấn đề được coi là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn và xung đột chính trị - xã hội, xung đột tộc người ở Ấn Độ là sự bất bình đẳng về quyền lợi, đói nghèo và thiếu cơ hội việc làm. Phần lớn người nghèo (80%) tập trung ở vùng nông thôn thuộc các bang Bihar, Jharkhand, Uttar Pradesh, Madhya Pradesh, Punjab, Himachal, West Bangal, Tamil Nadu, Andhra. Trong đó, riêng số lượng người nghèo ở 4 bang Bihar, Jharkhand, Uttar Pradesh và Madhya Pradesh chiếm trên 1/2 tổng số người nghèo ở Ấn Độ. Nghèo đói ở đô thị chủ yếu rơi vào trường hợp các nhóm di dân từ nông thôn ra thành phố. Do thiếu việc làm để sinh sống nên có một số lượng lớn người nghèo đã di cư từ nông thôn ra các thành phố như Bombay, Delhi, Bangalore, Calcutta... và tạo ra những khu ổ chuột với hàng triệu người nghèo ở các khu đô thị (SOS Children's Villages, 2019).

Do vậy, các chính sách của Chính quyền trung ương tập trung chủ yếu vào những tầng lớp, bộ tộc và thành phần kém phát triển nhằm đảm bảo quyền bình đẳng, tiếp cận những nguồn lực của các nhóm yếu thế trong xã hội, tạo cơ hội cho các nhóm này phát huy tiềm năng và năng lực để họ trở thành nhân tố thay đổi xã hội thông qua các chương trình phát triển có kế hoạch. Các quy định bảo đảm sự công bằng và ưu tiên cho những nhóm yếu thế, thiếu cơ hội để phát triển (scheduled castes, tribes - nhóm được ưu tiên hay được đưa vào kế hoạch phát triển) trong xã hội được quy định rõ trong hiến pháp, pháp luật và các chính sách phát triển của Ấn Độ. Các nguyên tắc dân chủ, bình đẳng và tự do cũng được định rõ trong hiến pháp cho mọi công dân dù họ sinh ra ở đâu, theo tôn giáo nào, giới tính gì. Đây là cơ sở căn bản để bảo vệ các đẳng cấp, bộ tộc, nhóm thiểu số lớp dưới (Pangannavar, 2014, tr. 3-14, 23).

Ngay từ năm 1951, Nhà nước Ấn Độ đã tiến hành kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ nhất (1951 - 1956), tập trung hướng tới nâng cao, cải thiện đời sống cho những thành phần yếu thế trong xã hội. Liên tục từ đó cho đến nay, 12 kế hoạch 5 năm đã được thực hiện. Bên cạnh đó, từ năm 1978, hai công ty phi lợi nhuận được thành lập và 7 chương trình lớn của Chính phủ đã được tiến hành nhằm thực hiện mục đích nêu trên (Pangannavar, 2014, tr. 53-131). Trong hơn một thập kỷ vừa qua, Ấn Độ đã đạt được nhiều thành tựu ấn tượng trong các nỗ lực giảm nghèo. Theo UNDP, số lượng người nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia này đã giảm từ 54,7% xuống còn 27,5% trong khoảng thời gian 2006 - 2016 (UNDP, 2019).

Mặc dù vậy, Ấn Độ vẫn phải đối mặt với các bất ổn về xã hội. Những chính sách phát triển ưu tiên cho các nhóm yếu thế vẫn chưa đem lại kết quả đáng kể, số lượng người nghèo, nhóm nằm trong danh sách ưu tiên vẫn tăng lên trong những năm gần đây. Các đảng phái chính trị cũng lợi dụng tình trạng nghèo đói mang màu sắc văn hóa này để tạo nên dư luận nhằm có được sự ủng hộ từ các nhóm yếu thế. Ở Ấn Độ, nghèo đói thường không tự nó phát triển thành xung đột mà có sự tác động của các lực lượng chính trị. Xung đột dân tộc còn liên quan đến hệ quả của vấn đề bản sắc kéo dài, các vấn đề ngôn ngữ, tranh chấp đất đai xuất phát từ những tồn tại trong lịch sử cũng như thái độ “lập lò” của Nhà nước, đã làm cho xung đột tộc người ở quốc gia này trầm trọng hơn. Ví dụ, việc phân chia bang dựa trên một hay một vài ngôn ngữ mà ngôn ngữ thường có mối liên hệ mật thiết với bản sắc của cư dân trong bang đó, như trường hợp bang Assame - một bang đa ngôn ngữ, nhưng từ năm 1960 Nhà nước quy định tiếng Assame là ngôn ngữ chính thức, điều này đã dẫn đến những cuộc đấu tranh đòi quyền lợi của các cư dân nói ngôn ngữ khác (Singh, 2013, tr. 494; Pangannavar, 2014, tr. 18-19).

Trong khi đó, người theo Hồi giáo thường có quan điểm bất đồng vì cho rằng, Chính phủ thờ ơ với họ trên các lĩnh vực giáo dục, việc làm, lợi ích kinh tế và chia sẻ quyền lực. Do cảm thấy bị bỏ rơi, nên thay vì tham gia vào dòng chảy hiện đại hóa, họ thường có xu hướng củng cố truyền thống của mình; thay vì liên kết với các nhóm yếu thế khác để đấu tranh đòi quyền lợi, họ lại có xu hướng tách riêng biệt lập. Đây cũng là lý do khiến cho sự phát triển kinh tế - xã hội của nhóm Hồi giáo bị chậm lại. Trên thực tế, phần đông những cộng đồng Hồi giáo ở Ấn Độ đều kém phát triển và bị yếu thế (Singh, 2013, tr. 19-20).

Sự phát triển kinh tế - xã hội, hiệu quả đầu tư chủ yếu thể hiện ở đẳng cấp, tầng lớp trên, hoặc nhóm người chiếm vị trí chi phối truyền thống. Sự gia tăng của tầng lớp trung lưu ở các nhóm thiểu số đã và đang trở thành chỗ dựa cho tư tưởng cộng đồng cục bộ, tạo động lực cho những phong trào đòi quyền về lãnh thổ, giáo xứ và lý khai, như ở bang Assame và Mizo. Chủ nghĩa cộng đồng cục bộ đang được coi là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với khối đoàn kết quốc gia - dân tộc ở quốc gia này, đặc biệt là ở cộng đồng Hồi giáo trong bối cảnh chủ nghĩa Hồi giáo chính thống đang phát triển mạnh mẽ ở một số nước láng giềng như Pakistan và trên thế giới (Singh, 2013, tr. 19, 78-79, 162).

Việc xây dựng bản sắc văn hóa quốc gia, lấy Ấn Độ giáo và tiếng Hin-di làm nền tảng đã gặp nhiều phản ứng, nhất là khu vực Nam Ấn. Như ở Assame, việc áp đặt bản sắc văn

hóa quốc gia nhưng lơ đi những khía cạnh tích cực và tiêu cực về văn hóa của các nhóm, các cộng đồng nhỏ đã dẫn đến những cuộc nổi dậy, đấu tranh đòi chính quyền trung ương phải có các nhượng bộ trong chính sách ưu tiên và công nhận quyền tự quản của nhiều cộng đồng văn hóa - xã hội ở bang này (Singh, 2013, tr. 495-497). Bên cạnh khác biệt về lợi ích, mong muốn gìn giữ bản sắc văn hóa và chống lại sự đồng hóa, một loạt các phong trào chính trị chống đối, đòi ly khai đã nổ ra ở các nhóm tộc người thiểu số như người Assam, Bengalis, Nagas, Kukis, Khasis, Garo, Mizos, Bodos, Karbis, Kok Boroks và Bishnupriyas. Sự khác biệt về kinh tế, nhất là tình trạng đói nghèo ở các nhóm thiểu số, những khác biệt văn hóa và nhân chủng giữa các nhóm tộc người, bên cạnh các yếu tố như đẳng cấp và vùng miền cũng đã và đang tạo nên những xung đột sắc tộc ở Ấn Độ (Sangha, 2016).

Trong những năm gần đây, đã có những thay đổi quan trọng trong chính sách và kế hoạch phát triển ở Ấn Độ, từ việc tập trung vào mở rộng sản xuất và dịch vụ thu nhập quốc dân trên diện rộng chuyển sang chú ý hơn đến phát triển năng lực và trao quyền cho các nhóm yếu thế (Pangannavar, 2014, tr. xvi). Đối với việc củng cố và phát triển khối quốc gia - dân tộc, chính quyền trung ương dựa trên chiến lược “hòa giải mang tính xây dựng” (constructive reconciliation). Chủ trương hòa giải cũng được thể hiện trong hiến pháp, tạo cơ sở cho hai loại chính sách hướng tới củng cố khối đoàn kết quốc gia - dân tộc: thứ nhất là những chính sách phân biệt đối xử tích cực - theo hướng có lợi cho các nhóm nghèo đói, yếu thế và bị bóc lột; thứ hai là các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị mà ở đó cá nhân được lấy làm đối tượng chính (Singh, 2013, tr. 162-166). Để giảm xung đột tộc người, Nhà nước Ấn Độ cũng đã ban hành nhiều chính sách tập trung vào việc thừa nhận và tăng cường quyền tự trị của một số nhóm tộc người, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo... (Singha, 2016).

Với các cộng đồng thiểu số, chủ trương thực hiện những chính sách can thiệp ở Ấn Độ gần đây có thể khái quát như sau: (1) Thiết chế xã hội của các nhóm thiểu số, tộc người cần phải được bảo vệ nhưng ở những nơi có điều kiện cần phải củng cố mang tính xây dựng để tránh sự căng thẳng và xa lạ; (2) Những chính sách vừa nêu cần phải được hỗ trợ từ các chính sách kinh tế; (3) Chính sách giáo dục phải được xem xét trên hai phương diện: thứ nhất là tăng cường năng lực, kỹ năng và thứ hai là tạo cơ sở cho người thiểu số tham gia vào bộ máy quản lý xã hội ở tầm vĩ mô về văn hóa và phát triển; (4) Cần có sự liên kết giữa các cơ quan khu vực và địa phương trong việc thực thi các chính sách; (5) Phát triển các lực lượng thực thi an ninh như cảnh sát, bán quân sự và quân đội.

4. Một vài nhận xét

Ở các quốc gia đa dân tộc, mối quan hệ tộc người với quốc gia luôn có vị trí trung tâm. Về cơ bản, vấn đề cốt lõi của chính sách dân tộc ở các nước đều hướng tới việc củng cố mối quan hệ giữa các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc. Đây được coi là điều kiện tiên quyết để ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội ở mọi quốc gia.

Ấn Độ là một trong những quốc gia có sự phức tạp và đa dạng bậc nhất về tộc người và quan hệ tộc người trên thế giới. Chính vì vậy, cả trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, gìn giữ, xây dựng và phát triển đất nước, chủ trương và chính sách dân tộc nhằm hướng tới tăng cường sự cố kết quốc gia luôn được người Ấn Độ coi là nền tảng.

Các vấn đề được coi là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn và xung đột chính trị - xã hội, xung đột tộc người ở Ấn Độ trong suốt mấy thập kỷ vừa qua chủ yếu là sự bất bình đẳng về quyền lợi và đói nghèo, thiếu cơ hội việc làm. Do vậy, các chính sách của chính quyền trung ương tập trung chủ yếu vào những tầng lớp, bộ tộc và thành phần kém phát triển khác nhằm đảm bảo quyền bình đẳng, tiếp cận các nguồn lực của những nhóm yếu thế trong xã hội, tạo cơ hội cho các nhóm này phát huy tiềm năng và năng lực để họ trở thành những tác nhân thay đổi xã hội thông qua các chương trình phát triển có kế hoạch. Những quy định bảo đảm sự công bằng và ưu tiên cho các nhóm yếu thế, thiếu cơ hội để phát triển trong xã hội được quy định rõ trong hiến pháp, pháp luật và những chính sách phát triển của Ấn Độ.

Mặc dù vậy, Ấn Độ vẫn đang phải đối mặt với nhiều bất ổn xã hội mang màu sắc tộc người và tôn giáo, nhất là giữa các cộng đồng Ấn Độ giáo và Hồi giáo. Xung đột dân tộc ở quốc gia này liên quan đến hệ quả của vấn đề bản sắc kéo dài, các vấn đề ngôn ngữ, tranh chấp đất đai xuất phát từ những tồn tại trong lịch sử, cũng như là thái độ “lập lò” của Nhà nước đã làm cho xung đột tộc người ở quốc gia này tiếp diễn. Những chính sách phát triển ưu tiên cho các nhóm yếu thế vẫn chưa đem lại kết quả đáng kể, số lượng người nghèo, nhóm nằm trong danh sách ưu tiên vẫn tăng lên trong những năm gần đây. Trong khi đó, các đảng phái chính trị thường lợi dụng tình trạng nghèo đói mang màu sắc văn hóa để tạo nên dư luận nhằm có được sự ủng hộ từ các nhóm yếu thế, cũng làm cho tình hình này trở nên trầm trọng hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Alesina, Alberto and Reich Bryony (2015), “Nation-building”, *Research paper*, Harvard, IGIER Bocconi and University College London.
2. Anderson, Benedict (1991), *Imagined Communities: Reflection on the Origin and Spread of Nationalism*, London, Verso.
3. Coakley, John (2012), *Nationalism, Ethnicity and the State*, Los Angeles, Sage.
4. Crowne, William (2013), “Ethnicity as a Source of Conflict in India”, trên trang <http://www.e-ir.info/2013/04/24/ethnicity-as-a-source-of-conflict-in-india/>, truy cập ngày 16/10/2017.
5. Eriksen, Thomas Hylland (1993), *Ethnicity and Nationalism: Anthropological Perspectives*, London and Chicago, Pluto Press.
6. Gellner, Ernest (1983), *Nations and nationalism*, Oxford, Blackwell.
7. Nguyễn Thừa Hỷ (1986), *Tìm hiểu văn hóa Ấn Độ*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

7. Jame, D. Wilets (1999), “The Demise of the Nation-State: Towards a New Theory of the State under International Law”, *Berkeley Journal of International Law*, Volume 17, No 2, pp. 193-229.

8. Kissinger, Henry (2014), *World Order: Reflections on the Character of Nations and the Course of History*, London, Allen Lane.

9. Mackerras, Colin (2003), “Introduction”, in: *Ethnicity in Asia*, Colin Mackerras (ed.), London, RoutledgeCurzon, tr. 1-14.

10. Michael, Banton (2010), *Ethnic Relations: an International Perspective on the Malaysian Initiative of 2007*, Bangi, Institute of Ethnic Studies, The National University of Malaysia.

11. Pangannavar, Arjun Yallappa (2014), *Scheduled Castes (SCs) in India*, New Delhi, New Centuries Publications.

12. Singha, Y. Monojit (2016), “Ethnic Politics in Assam: Conflict and Accommodation”, *International Journal of Scientific and Research Publications*, Volume 6, No 7, pp. 494-499.

13. Singh, Yogendra (1993), *Social Change in India: Crisis and Resilience*, New Delhi, HAR-ANAN Publications PVT LDT.

14. Walker, Andrew (2009), “Conclusion: are the Mekong frontiers sites of exception?”, in: *On the borders of state power: frontier in the Greater Mekogn Sub-region*, Martine Gainsborough (ed.), Abingdon, Routledge, tr.101-111.

15. SOS Children’s Villages, “Poverty in India: Facts and figures on the daily struggle for survival”, trên trang <https://www.soschildrensvillages.ca/news/poverty-in-india-602>, truy cập ngày 01/01/2019.

16. UNDP, “271 million fewer poor people in India”, trên trang <http://www.in.undp.org/content/india/en/home/sustainable-development/successstories/MultiDimesnionalPovertyIndex.html>, truy cập ngày 01/01/2019.